

CỔ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. BAN TỔ CHỨC CHÀO BÁN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN PHẦN VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



SCIC

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
CÔNG TY TNHH**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Chamvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL

Địa chỉ: 54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3943 3840 Fax: (84-24) 3943 3844

TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3974 1771 Fax: (84-24) 3974 1760

TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626 – 3936 0750 Fax: (84.24) 3934 7818

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Địa chỉ : 54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Vốn điều lệ hiện tại : 104.999.550.000 đồng.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 10.499.560 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 395 cổ phần
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ đánh giá sự phù hợp (giám định, thẩm định, kiểm định, chứng nhận, thử nghiệm...) và các dịch vụ liên quan khác

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tên tổ chức chào bán cổ phần : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng cổ phần chào bán : 3.150.000 cổ phần (tương ứng 30% vốn điều lệ của Vinacontrol)
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá công khai cả lô (01 lô)
- Giá khởi điểm một lô cổ phần : 171.675.000.000 đồng/lô cổ phần
- Bước giá bán đấu giá cả lô cổ phần : 1.000.000 đồng
- Đơn vị tổ chức đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng thông qua hệ thống chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

3. Tổ chức Tư vấn chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3974 1771

Fax: (84-24) 3974 1760

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626 – 3936 0750 Fax: (84-24) 3934 7818

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro về kinh tế.....	3
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro của đợt chào bán	7
5. Rủi ro khác	7
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	8
2. Tổ chức phát hành/Tổ chức có vốn của SCIC được chuyển nhượng	8
3. Tổ chức tư vấn chào bán.....	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	10
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	11
1. Tên Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán.....	12
3. Số cổ phần sở hữu.....	12
4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu.....	12
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC CHUYỂN NHƯỢNG	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Cơ cấu vốn cổ phần	17
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
4. Cơ cấu quản lý của Công ty	21
5. Hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm	23
5.1 Hoạt động kinh doanh	23
5.2 Địa bàn hoạt động.....	24
5.3 Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện tại thời điểm hiện tại	25
5.4 Định hướng phát triển của Công ty	31

5.5 Cơ cấu doanh thu	32
5.6 Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh	33
5.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế.....	35
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	36
7. Vị thế của Công ty, triển vọng phát triển ngành và triển vọng phát triển của Công ty.....	37
8. Chính sách đối với người lao động	38
9. Chính sách cổ tức.....	40
10. Tình hình hoạt động tài chính	40
11. Tài sản:.....	46
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	57
13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, ...):.....	60
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	60
15. Các thông tin khác	60
VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	61
VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	63
IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	63
X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Những cột mốc phát triển quan trọng	13
Bảng 2. Ngành nghề kinh doanh	14
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông chốt tại ngày 21/07/2023	18
Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty tại ngày 21/07/2023	18
Bảng 5. Danh sách Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 30/09/2023	20
Bảng 6. Cơ cấu Doanh thu của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023 (Công ty mẹ)	32
Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023	33
Bảng 8. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023 (Công ty mẹ)	33
Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023	34
Bảng 10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021, 2022 và 9T/2023 (Công ty mẹ)	36
Bảng 11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2021, 2022 và 9T/2023	36
Bảng 12. Cơ cấu lao động của Công ty	38
Bảng 13. Tình hình chi trả cổ tức	40
Bảng 14. Số dư Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	41
Bảng 15. Số dư Trích lập các Quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	41
Bảng 16. Chi tiết các khoản phải thu tổng hợp tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	42
Bảng 17. Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	42
Bảng 18. Các khoản nợ phải trả tổng hợp tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	43
Bảng 19. Các khoản nợ phải trả hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023	43
Bảng 20. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tổng hợp của Công ty	45
Bảng 21. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty	45
Bảng 22. Danh mục tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2023 (Công ty mẹ)	46

Bảng 23. Danh mục tài sản hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/09/2023	47
Bảng 24. Danh mục đất đai của Công ty đang sử dụng và quản lý	48
Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2023	57
Sơ đồ 1. Cơ cấu quản lý của Công ty	21

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Thông tư 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động SCIC;

- Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đến năm 2020;
- Văn bản số 3807/VPCP-DMDN ngày 08/06/2021 của Văn phòng Chính phủ và văn bản số 990/UBQLV-TH ngày 26/03/2021 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thực hiện bán vốn Nhà nước theo Quyết định số 1001/QĐ-TTg;
- Công văn số 990/UBQL-TH ngày 23/06/2021 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về việc thực hiện bán vốn Nhà nước theo quyết định số 1001/QĐ-TTg;
- Hợp đồng tư vấn số 41/SCIC-VietinbankSecurities ký ngày 23/08/2018 giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam về việc tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol;
- Chứng thư Thẩm định giá số 1010.06-23/CT-ĐG/VAE ngày 10/10/2023 xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại thời điểm 31/12/2022 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành;
- Nghị quyết số 220/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/10/2023 của Hội đồng thành viên về việc phê duyệt phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại CTCP Tập đoàn Vinacontrol;
- Quyết định số 287/QĐ-ĐTKDV ngày 31/10/2023 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc Phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol;
- Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/5/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc Ủy quyền ký quyết định, văn bản, hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng và các văn bản liên quan trực tiếp tới việc bán cổ phần, bán phần vốn, bán quyền mua của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol nói riêng.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tăng trưởng của hầu hết các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế, đây là yếu tố sẽ tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua các chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định... đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

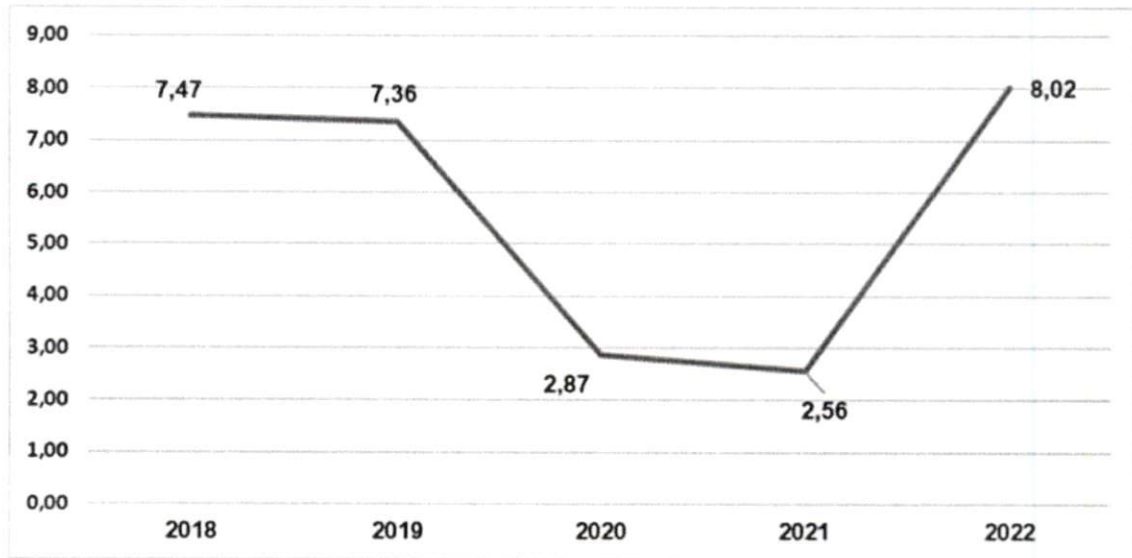
Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%, đóng góp 9,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,41%, đóng góp 22,27%; khu vực dịch vụ tăng 6,32%, đóng góp 68,57%.

Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021 – 2025 và sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 2018-2022

Hình 1: Tốc độ tăng GDP các năm 2018-2022 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Việc áp dụng và điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol nói riêng.

1.2. Lãi suất

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của các doanh nghiệp. Trong thời gian gần đây, dưới áp lực lạm phát gia tăng do đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, Ngân hàng Trung ương các quốc gia đã liên tục tăng lãi suất đơn cử như Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED), tính đến cuối tháng 11/2022, đã tăng lãi suất từ 0%-0,25% lên mức 3,75%-4% - mức cao nhất kể từ năm 2008. Không nằm ngoài xu thế đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã hai lần tăng lãi suất điều hành trong năm 2022 vào ngày 22/09/2022 và 25/10/2022, theo đó lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4% lên 5% và 6%, lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5% lên 3,5% và 4,5% vào các thời điểm tương ứng. Sau động thái tăng lãi suất điều hành của NHNN, các ngân hàng thương mại đã nhanh chóng điều chỉnh tăng lãi suất huy động tương ứng và từ đó ảnh hưởng đến lãi suất cho vay doanh nghiệp và người tiêu dùng và gây ra các tác động nhất định đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của các công ty trong nền kinh tế.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, với chính sách tiền tệ, điểm sáng nổi bật là Ngân hàng Nhà nước đã 4 lần giảm lãi suất điều hành (từ 0,5-1,5%) nhằm giảm lãi suất huy động và cho vay, góp phần tăng khả năng tiếp cận và cung cấp vốn cho nền kinh tế. Theo đó, về cơ bản, mặt bằng lãi suất đã ổn định, lãi suất tiền gửi và cho vay mới có xu hướng giảm dần. Lãi suất tiền gửi bình quân của các ngân hàng thương mại ở mức khoảng 5,8%/năm (giảm 0,7% so với cuối năm 2022). Lãi suất cho vay bình quân VND ở mức khoảng 8,9%/năm (giảm 1%/năm so với cuối năm 2022). Trong

bối cảnh đó, nhiều ngân hàng đã đưa ra các chương trình cho vay ưu đãi với lãi suất thấp hơn mức này nhằm kích thích nhu cầu tín dụng, đồng thời, hướng tới hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.

Để hạn chế rủi ro tối đa, Công ty đã thực hiện phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro cho Công ty. Kể từ đầu năm 2023 đến nay, lãi suất thị trường có xu hướng giảm, đây sẽ là yếu tố làm giảm chi phí vốn và rủi ro lãi suất của Công ty trong thời gian tới.

1.3. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế.

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hóa lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chỉ tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 05 năm gần nhất (giai đoạn 2017-2021) tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân các năm so với năm trước có xu hướng giảm và duy trì ở mức dưới 4% từ mức 3,53% năm 2017 xuống còn 1,84% năm 2021.

Trong năm 2022, khi các hoạt động kinh tế trở lại bình thường, áp lực về lạm phát của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng do những ảnh hưởng đến từ lạm phát chuỗi cung ứng, giá nguyên, nhiên vật liệu thế giới tăng cao, đặc biệt là tình trạng bất ổn của giá dầu toàn cầu do cuộc chiến Nga – Ukraine và tổng cầu trong nước tăng đột biến.

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Sang tới năm 2023, Việt Nam không thuộc nhóm quốc gia có mức lạm phát cao khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. Tính bình quân quý III/2023, CPI tăng 2,89% so với quý III/2022. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%

Để giảm thiểu tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã triển khai các chính sách, công cụ phù hợp nhằm kiểm soát chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4. Tỷ giá

Năm 2022, nền kinh tế đối mặt với cú sốc tỷ giá. Đã có lúc, VND mất giá cao so với USD (mất gần 9%) trong tháng 11/2022. Trước tình hình trên, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai nhiều biện pháp nhằm ổn định tỷ giá như bán dự trữ ngoại hối, nới rộng biên độ tỷ giá, nâng lãi suất VND, hút bớt VND qua kênh tín phiếu... Theo đó, nhà điều hành tăng biên độ giao dịch tỷ giá từ mức +3% lên +5% từ ngày 17/10/2022.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại các văn bản pháp luật khác có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Môi trường pháp lý về hoạt động giám định hàng hóa xuất nhập khẩu vẫn chưa thực sự ổn định và phù hợp. Sau khi Luật Thương mại, Nghị định số 20/2006/NĐ-CP của Chính phủ về công tác giám định ra đời, đặc biệt Nghị định 107/2016/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp đối với tổ chức hoạt động trên 05 lĩnh vực (giám định, chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định và công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp), đã thắt chặt quy định về năng lực của tổ chức. Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 thay thế Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 hướng dẫn thi hành Luật an toàn thực phẩm có hiệu lực từ 02/2/2018 trong đó có quy định Kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu áp dụng chuyển đổi phương thức từ Thông thường sang kiểm tra giám và áp dụng kiểm tra thông thường sau 3 lần kiểm tra chặt. Chủ trương mới của Chính phủ (cắt giảm kiểm tra chuyên ngành) đối với kiểm tra Nhà nước 02 mặt hàng Thức ăn chăn nuôi và phân bón; Đồng thời, bên cạnh đó, các Bộ ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản quy định ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty như: Thông tư 23/2016/TT-BCT ra đời thay thế Thông tư 37/2015/TT-BCT về dệt may; Thông tư 18/2017/TT-BCT bãi bỏ một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BCT_BKHHCN quy định quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu bắt đầu có hiệu lực từ tháng 11/2017. Chính vì vậy đã gây khó khăn và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong khâu khai thác khách hàng, dẫn đến ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Uy tín và chất lượng dịch vụ là hai yếu tố quan trọng bậc nhất trong ngành giám định và nó phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của nhân sự. Bất cứ hành vi sai phạm nào của giám định viên, hay

thái độ phục vụ khách không tốt, có thể ảnh hưởng nặng nề đến uy tín và kết quả kinh doanh của Công ty.

Kiểm soát, giảm thiểu rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời, hoạt động của Công ty tuân thủ nghiêm ngặt theo Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012 (VIAS 015); ISO/IEC 17065:2012; ISO 17025:2005/17025:2017 đảm bảo mọi giai đoạn của quá trình hoạt động đều có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ tùy theo quy mô và độ phức tạp của mỗi lĩnh vực hoạt động.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Sự thành công của đợt chào bán chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bao gồm yếu tố vi mô và vĩ mô, phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm công bố thông tin và tổ chức bán đấu giá cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết cổ phần chào bán. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phần của SCIC đầu tư tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol, chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của VNC. Do đó, trong trường hợp đợt chào bán này không thành công, hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty như các hiện tượng thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... Đây là rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về con người, vật chất và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. **Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 0703

Fax: (84-24) 6278 0136

Ông Lê Thanh Tuấn

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/5/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước).

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực trên cơ sở tài liệu và số liệu do CTCP Tập đoàn Vinacontrol cung cấp.

2. **Tổ chức phát hành/Tổ chức có vốn của SCIC được chuyển nhượng**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Địa chỉ: 54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3943 3840

Fax: (84-24) 3943 3844

Ông Mai Tiến Dũng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. **Tổ chức tư vấn chào bán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securites)

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3974 1771

Fax: (84-24) 3974 1760

Ông Phạm Ngọc Hiệp

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy Ủy quyền số 08/UQ-CKCT ngày 29/05/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol do đơn vị tư vấn tham gia lập và công bố. Bản Công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên BCTC và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và VietinBank Securities không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu.
- Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày 30/09/2023 đã được công bố công khai. Các sự kiện xảy ra sau ngày này chưa được xem xét thì SCIC và Tổ chức Tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này;
- Chúng tôi giả định rằng Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh;
- VietinBank Securities, nhân viên của VietinBank Securities (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol cho SCIC, chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol và các khách hàng khác của VietinBank Securities và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.
- Bản công bố thông tin này được Vietinbank Securities soạn thảo và công bố phản ánh trung thực tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.


IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- Tổ chức là Chủ sở hữu vốn chuyên nhượng/SCIC : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
- Tổ chức tư vấn/VietinBank Securities : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tổ chức có vốn của SCIC chuyên nhượng/Công ty/VNC : Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- CTCP : Công ty Cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BCTC : Báo cáo tài chính
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ĐKCC : Đăng ký cuối cùng

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung:

Tên đầy đủ	:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH
Tên Tiếng Anh	:	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt	:	SCIC
Loại hình doanh nghiệp	:	Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Quốc Huy – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	:	Tầng 23- Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Điện thoại	:	(84-24) 3824 0703 Fax: (84-24) 6278 0136
Website	:	www.scic.vn
Logo	:	
Vốn điều lệ	:	19.000.000.000.000 VNĐ (Mười chín nghìn tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11/03/2022

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp Nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin,...

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Ngày 29 tháng 09 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2018/NĐ-CP chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty từ Bộ tài chính sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.3. Lĩnh vực hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;
- Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;
- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đã tiếp nhận theo quy định hiện hành.

b) Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn: Đầu tư, tài chính; chuyển đổi, quản trị mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
- Các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Mọi quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán

SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol. Đại diện vốn SCIC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol là:

- Bà Nguyễn Thanh Hương - Thành viên Hội đồng Quản trị, đại diện sở hữu 3.150.000 cổ phần, tương ứng 30% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

3. Số cổ phần sở hữu

Hiện tại, SCIC đang sở hữu 3.150.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 30% tổng số vốn cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là 100%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Tên tiếng anh	:	Vinacontrol Group Corporation
Tên viết tắt	:	Vinacontrol
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	Số 0100107772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/11/2021
Địa chỉ trụ sở chính	:	54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3943 3840 Fax: (024) 3943 3844
Website	:	www.vinacontrol.com.vn
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Mai Tiến Dũng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký và thực góp	:	104.999.550.000 đồng (<i>Một trăm linh tư tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng</i>)
Ngày chính thức trở thành công ty đại chúng	:	27/11/2006
Mã chứng khoán	:	VNC
Sàn giao dịch	:	HNX
Ngày giao dịch đầu tiên	:	21/12/2006

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Bảng 1. Những cột mốc phát triển quan trọng

Những cột mốc phát triển quan trọng	
Năm 1957	Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp ra Quyết định số 514/BTN-TCCB ngày 24/10/1957 thành lập Cục Kiểm nghiệm hàng hóa Xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ Thương nghiệp (kiêm Sở Giám định hàng hóa Xuất nhập khẩu). Đây cũng chính là ngày thành lập Công ty và Vinacontrol trở thành công ty giám định có lịch sử phát triển lâu đời nhất Việt Nam.
Năm 1974	Bộ trưởng Bộ Ngoại thương ra Quyết định số 513/BNgT-TCCB ngày 16/7/1974 tách Sở Giám định hàng hóa Xuất nhập khẩu ra khỏi Cục Kiểm

Những cột mốc phát triển quan trọng

	kiểm nghiệm hàng hóa Xuất nhập khẩu và đổi tên thành Công ty Giám định hàng hóa XNK Việt Nam.
Năm 1988	Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại ra Quyết định số 420/KTĐN-TCCB ngày 12/11/1988 về hợp nhất Công ty Giám định hàng hóa Xuất nhập khẩu và Cục Kiểm nghiệm hàng hóa Xuất nhập khẩu thành Công ty Giám định hàng hóa Xuất nhập khẩu Việt Nam.
Năm 2004 và 2005	Bộ trưởng Bộ Thương mại ra Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29/11/2004 và Quyết định số 1525/QĐ-BTN ngày 24/5/2005 chuyển Công ty Giám định hàng hóa Xuất nhập khẩu thành Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol (Vinacontrol), chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/6/2005.
Năm 2006	Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Năm 2007 và 2008	Ngày 01/10/2007: Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 78,75 tỷ đồng (theo Quyết định số 186/UBCK-GCN ngày 01/10/2007 của UBCK Nhà nước), ngày 13/5/2008 số cổ phiếu phát hành thêm đã chính thức giao dịch trên HNX, đưa tổng số cổ phiếu giao dịch lên 7.875.000 cổ phiếu.
Năm 2011	Ngày 23/5/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.
Năm 2013	Tháng 7/2013, Công ty phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng số vốn điều lệ lên 104.999.550.000 đồng.
31/12/2022	Vốn điều lệ của Vinacontrol là 104.999.550.000 đồng, tổng số cổ phiếu giao dịch trên sàn HNX là 10.499.560 cổ phiếu (395 cổ phiếu quỹ)

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, hàng loạt những quyết sách về thị trường, đầu tư, tài chính, kỹ thuật, nhân sự, v.v... được Công ty ban hành và triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình mới.

Việc mở rộng quy mô Công ty cũng được Ban lãnh đạo chú trọng để ngày càng tiến gần hơn với tầm nhìn mà Công ty quyết tâm thực hiện “*Vinacontrol phấn đấu trở thành tổ chức giám định có uy tín trên thế giới, tiến tới trở thành tập đoàn kinh tế mạnh*”.

Tính đến thời điểm hiện tại, mạng lưới Vinacontrol đã phát triển trên khắp cả nước với 28 đơn vị trực thuộc cùng với 6 phòng thí nghiệm được đánh giá và được công nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Bên cạnh việc hợp tác với các tổ chức giám định trên toàn thế giới, năm 2017, Vinacontrol chính thức thành lập văn phòng đại diện đầu tiên tại Châu Phi.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số-khối lượng, bao bì, ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý, kim loại quý hiếm); - Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng; - Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa; - Giám định tổn thất; Đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các Công ty bảo hiểm trong và ngoài nước; - Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu; - Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; - Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy; - Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường; - Kiểm tra phá hủy, không phá hủy; - Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải); các dịch vụ phục vụ thông quan; - Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong-cấp chỉ; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng; - Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; Tư vấn về chất lượng hàng hóa - Chứng nhận sản phẩm; - Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước); - Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế; - Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế. - Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. 	7120 (Chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng. Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, sản phẩm xây dựng. - Thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng. - Giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. - Đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ. 	
2	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Cho thuê văn phòng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p>	6810
3	<p>Sản xuất điện</p> <p>Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời</p>	3511
4	Đào tạo sơ cấp	8531
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
6	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hoá; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng; - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp. - Hoạt động đo đạc và bản đồ. - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. 	7110
7	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p> <p>Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt thiết bị;</p>	3320
8	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan;</p>	5229

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chuyên giao công nghệ - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị; - Phân loại trang thiết bị y tế. - Tư vấn về kỹ thuật trang thiết bị y tế. - Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Dịch vụ tư vấn đầu thầu: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; đào tạo, chuyên giao công nghệ; các dịch vụ tư vấn khác. 	7490
10	<p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết: Tư vấn thủ tục cổ phần hóa Doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập Doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);</p>	7020
11	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng. Hoạt động đào tạo dạy nghề.</p>	8559
12	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ khách sạn (không bao gồm phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)</p>	5510
13	<p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết: - Tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin - Giám sát thi công dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin</p>	6209

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

2. Cơ cấu vốn cổ phần

Vốn Điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại thời điểm hiện tại là 104.999.550.000 đồng, tương đương 10.499.955 cổ phần, trong đó tổng số cổ phần đang lưu hành là 10.499.560 cổ phần và 395 cổ phiếu quỹ.

Căn cứ Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày 21/07/2023 đề xin ý kiến cổ đông bằng văn bản của VNC, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

2.1 Cơ cấu cổ đông:

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông chốt tại ngày 21/07/2023

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%) / VĐL thực góp
Cá nhân			3.756.703	35,78%
1	Trong nước	755	3.707.349	35,31%
2	Nước ngoài	21	49.354	0,47%
Tổ chức			6.742.857	64,22%
1	Trong nước	12	6.575.124	62,62%
2	Nước ngoài	7	167.733	1,60%
Cổ phiếu quỹ		0	395	0,004%
Tổng cộng		795	10.499.955	100%

(Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán – số V972/2023-VNC/VSD-ĐK do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 21/07/2023)

2.2 Danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty

Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công ty tại ngày 21/07/2023

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	3.150.000	30,00%
2	Công ty TNHH DOHA Đầu tư	Số 8 tổ 34 phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội	1.960.500	18,67%
3	Công ty CP Chứng khoán ASEAN	Tầng 4 Số 18, Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, HN	1.254.666	11,95%
Tổng cộng			6.365.166	60,62%

(Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán – số V972/2023-VNC/VSD-ĐK do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày 21/07/2023)

2.3 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà VNC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty;

- ❖ **Công ty mẹ của Công ty và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có.
- ❖ **Công ty con của Công ty và những công ty mà VNC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol có 03 Công ty con và 01 Công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại mục 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol có 03 Công ty con và 01 Công ty liên kết. Danh sách Công ty con, Công ty liên kết của VNC như sau:

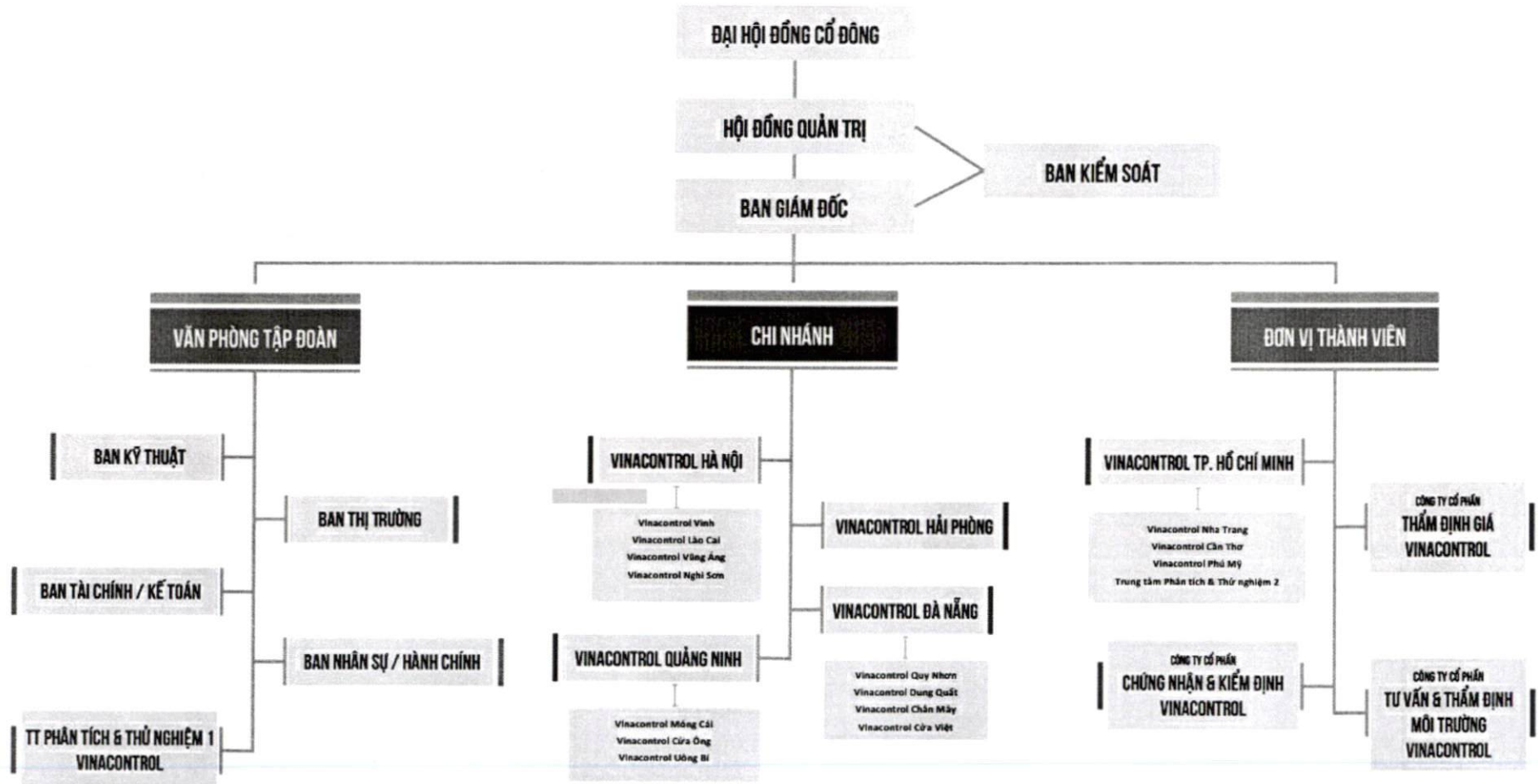
Bảng 5. Danh sách Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 30/09/2023

STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề SXKD	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị vốn góp theo sổ sách (đồng)
I	Công ty con					
1	Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Số 80 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3, TP HCM	Cung cấp dịch vụ giám định, phân tích và thử nghiệm mẫu	59.000.000.000	100%	59.000.000.000
2	CTCP Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, HN	Cung cấp dịch vụ tư vấn và thẩm định môi trường	3.000.000.000	51%	1.530.000.000
3	CTCP Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	41 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, HN	Cung cấp dịch vụ chứng nhận và kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	5.000.000.000	51%	2.550.000.000
II	Công ty liên kết					
1	CTCP Thẩm định giá Vinacontrol	54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, HN	Cung cấp dịch vụ thẩm định giá và giám định	3.000.000.000	35%	1.050.000.000

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

4. Cơ cấu quản lý của Công ty

Sơ đồ 1. Cơ cấu quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch
Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

4.4. Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó. Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

4.5. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật về tài chính, kế toán.

Ông Lưu Ngọc Hiền

Kế toán trưởng

4.6. Các Bộ phận chức năng

- Ban Kỹ thuật
- Ban Thị trường.
- Ban Tài chính/Kế toán.
- Ban Nhân sự/Hành chính.
- Trung tâm Phân tích và thử nghiệm 1 Vinacontrol.
- 04 Chi nhánh.
- 04 đơn vị thành viên.

5. Hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm

5.1 Hoạt động kinh doanh

Sản phẩm chính

- Dịch vụ giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì và ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, nông sản, lâm sản, khoáng sản, hàng tiêu dùng, đá quý và kim loại quý hiếm...);
- Dịch vụ giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ và thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Dịch vụ giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải và giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Dịch vụ giám định tổn thất và đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Dịch vụ giám định/thử nghiệm hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Dịch vụ quản lý hàng thế chấp;
- Dịch vụ kiểm định chất lượng và an toàn máy móc thiết bị;
- Dịch vụ kiểm định an toàn lao động;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;

- Dịch vụ có liên quan: khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong – cặp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Dịch vụ tư vấn và thẩm định môi trường;
- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa;
- Dịch vụ chứng nhận sản phẩm;
- Dịch vụ chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình, kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước);
- Dịch vụ giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giá sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hóa;
- Dịch vụ giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
- Dịch vụ giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Dịch vụ giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng;
- Dịch vụ tư vấn, lắp đặt thiết bị;
- Dịch vụ giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sát nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác;
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế.

5.2 Địa bàn hoạt động

Trong phạm vi và không giới hạn tại lãnh thổ Việt Nam, thông qua 26 văn phòng, trụ sở tại các tỉnh và thành phố:

- | | | |
|------------------|---------------|--------------|
| • Bắc Ninh | • Hồ Chí Minh | • Quảng Ninh |
| • Cần Thơ | • Lào Cai | • Quy Nhơn |
| • Cửa Ông | • Móng Cái | • Thanh Hóa |
| • Đà Nẵng | • Nha Trang | • Uông Bí |
| • Thừa Thiên Huế | • Phú Mỹ | • Vinh |
| • Hà Nội | • Quảng Bình | • Vĩnh Phúc |
| • Hà Tĩnh | • Quảng Ngãi | |
| • Hải Phòng | | |

5.3 Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện tại thời điểm hiện tại

Bảng 5: Một số hợp đồng tiêu biểu đã ký kết và đang thực hiện (từ năm 2022 đến nay)

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY						
Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
1.	Hợp đồng số VTPC1-0303-211217141	12/2021	2022 – 2023 Unloading Port Independent Coal Testing Laboratory Contract	2.628.828.000 VND	01/01/2022 – 31/12/2023	Vinh Tan 1 Power Company Limited
2.	Hợp đồng số 01-2022/PLX/VINACONTROL	01/02/2022	Giám định xăng dầu	4.575.284.780 VND	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi kết thúc các loại hình giám định	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
3.	Hợp đồng số 13/HĐKT/S HIPP-VINACONTROL-EIC/2022	26/04/2022	Giám định chất lượng, khối lượng cho quá trình vận hành thương mại NMNĐ Sông Hậu 1 năm 2022	9.795.475.909 VND Trong đó, phần giá trị hợp đồng mà Vinacontrol đảm nhận: 5.367.207.798 VND	365 ngày	Tập đoàn dầu khí Việt Nam
4.	Hợp đồng số 252/ĐD-VINACONTROL/2022	19/07/2022	Giám định mặt hàng cát	Theo đơn giá cố định	-	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Đông Dương
5.	Hợp đồng số 68/2022/HĐ-EVNPMB1-	25/11/2022	Giám định chất lượng thiết bị cơ điện, máy	2.632.406.406 VND	28 tháng	Tập đoàn Điện lực Việt Nam –

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY

Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
	VINACONTROL		biến áp và trạm phân phối GIS 500kV			Đại diện là Ban quản lý Dự án Điện 1
6.	Hợp đồng số 397/BTS-QLDA	29/11/2022	Giám định độc lập thiết bị nhập khẩu	332.596.000 VNĐ	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi dự án được bàn giao đưa vào sử dụng	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn
7.	Hợp đồng số 486/2023/PV PF-Vinacontrol	30/12/2022	Giám định chất lượng, khối lượng than cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2023	6.815.600.000 VNĐ	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2023 hoặc đến khi giao nhận đủ 2.000.000 tấn than ± 10%	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí
8.	Hợp đồng số 28032023-HDDV/NS2 PC-VINACONTROL	28/03/2023	Giám định than	Theo đơn giá cố định	-	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2
9.	Hợp đồng số 105/2023/PV PF-Vinacontrol	17/03/2023	Phân tích bổ sung chỉ tiêu chất lượng than phục vụ công tác hiệu chỉnh vận hành nhà	506.000.000 VNĐ	Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2023 hoặc đến khi	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP –

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY

Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
			máy Nhiệt điện Vũng Áng 1		phân tích đủ 80 mẫu ± 10%	Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí (PV Power Fuel)
10.	Hợp đồng số 1703/2023/T B2PP/Vinacontrol - EIC	17/03/2023	Dịch vụ giám định chất lượng, khối lượng và kiểm kê hàng tồn kho Than, Dầu (HFO&DO), Đá vôi của NMNĐ Thái Bình 2 năm 2023	3.634.412.150 VNĐ Trong đó, phần giá trị hợp đồng mà Vinacontrol đảm nhận: 2.000.017.006 VNĐ	275 ngày	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2
11.	Hợp đồng số 24/HĐ-EVNGENC O1-VINACONTROL	21/03/2023	Giám định kiểm kê kho than tại Công ty Nhiệt điện Duyên Hải năm 2023	781.632.192 VNĐ	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENC O1)
12.	Hợp đồng số 58/HLC-VNC/2023	30/03/2023	Giám định khối lượng, chất lượng cho những lô hàng xi măng, clinker xuất khẩu	660.000.000 VNĐ	Kể từ khi hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/03/2024	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
13.	Hợp đồng số 21/2023/HĐ-DV	11/05/2023	Giám định khối lượng và chất lượng than nhập khẩu tại NMNĐ	2.606.000.000 VNĐ	06 tháng kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh Tập

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY

Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
			Vĩnh Tân 4 đợt 1 năm 2023			đoàn Điện lực Việt Nam
14.	Hợp đồng số 32/HĐ-NDVT/23	30/05/2023	Giám định nhiên liệu năm 2023 – 2024 tại Quảng Ninh	3.456.101.118 VNĐ	13 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
15.	Hợp đồng số 261A/VIKO MIN-VINACONTROL/2023	01/06/2023	Giám định quặng	Theo đơn giá cố định	-	Công ty Cổ phần Đầu tư VIKOMIN
16.	Hợp đồng số 58/HĐ-TBTPC-VNC	09/06/2023	Giám định than, dầu, đá vôi và kiểm kê kho than	6.897.773.355 VNĐ	12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Công ty Nhiệt điện Thái Bình
17.	Hợp đồng số 1506/2023/N S2PC-VINACONTROL	15/06/2023	Phân tích mẫu than và tro	530.483.800 VNĐ	-	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2
18.	Hợp đồng số 15-06-2023/KK/NB TPC-VINACONTROL	15/06/2023	Khảo sát, đo đạc, kiểm kê xác định khối lượng than tồn kho năm 2023	85.100.000 VNĐ	12 tháng	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY

Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
19.	Hợp đồng số 33/2023/HĐ-DV	16/06/2023	Giám định tồn kho nhiên liệu dầu DO	91.800.000 VNĐ	13 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam
20.	Hợp đồng số 30/2023/BV ĐKTH-VINACONTROL/HĐKĐ	21/06/2023	Kiểm định trang thiết bị y tế	190.080.000 VNĐ	150 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
21.	Hợp đồng số 6-30/HASON HAI-VINACONTROL/2023	30/06/2023	Giám định quặng	Theo đơn giá cố định	-	Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Sơn Hải
22.	Hợp đồng số 3379/2023/HĐ-PPC-VINACONTROL	13/07/2023	Kiểm kê than tồn kho và phân tích các chỉ tiêu chất lượng than Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	944.019.710 VNĐ	12 tháng	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
23.	Hợp đồng số 52/2023/HĐ-DV	17/07/2023	Giám định, kiểm kê tồn kho nhiên liệu than	398.400.000 VNĐ	13 tháng	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam

CÁC HỢP ĐỒNG KÝ KẾT TỪ 01/01/2022 ĐẾN NAY

Stt	Số Hợp đồng	Ngày ký	Dịch vụ cung cấp	Giá trị Hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác
24.	Hợp đồng số 03/2023/HĐ/CDTBTN-VNCT	18/07/2023	Giám định chất lượng gạo nhập kho dự trữ quốc gia năm 2023	96.800.000 VNĐ	Tối đa 60 ngày, chậm nhất đến 15/10/2023	Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên
25.	Hợp đồng số 69/2023/HĐ-DV	26/07/2023	Kiểm kê than tồn kho hàng tháng	420.000.000 VNĐ	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
26.	Hợp đồng số 402A/2023/BVNTW-VNC/HĐKĐ	04/08/2023	Kiểm định thiết bị y tế	256.000.000 VNĐ	03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Bệnh viện Nhi Trung ương
27.	Hợp đồng số 01/2023/HĐ/BVĐKTB-Vinacontrol	29/08/2023	Kiểm định về an toàn và tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế	119.840.000 VNĐ	60 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thái Bình
28.	Hợp đồng số 456/2023/HĐ/BVĐHYD - VINACONTROL	07/09/2023	Kiểm định về an toàn và tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế	126.056.700 VNĐ	06 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Bệnh viện Đại học Y dược TPHCM
29.	Hợp đồng số 488/HĐ/TTGD-VINACONTROL	21/09/2023	Phân tích các chỉ tiêu chất lượng trong than năm 2023	438.480.000 VNĐ	102 ngày	Trung tâm Giám định - CN Tổng Công ty Đông Bắc

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

5.4 Định hướng phát triển của Công ty

Tầm nhìn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol trở thành tổ chức giám định có uy tín trên thế giới, một tập đoàn kinh tế mạnh.

Để hiện thực hóa tầm nhìn của mình, Vinacontrol đã hoạch ra những định hướng phát triển và mục tiêu chủ chốt từng thời kỳ và từng giai đoạn xoay quanh 4 nền tảng gồm: các giá trị mang đến khách hàng, người lao động, cổ đông và cộng đồng.

✓ Từ 2018 đến 2023:

- Tập trung nâng cao chất lượng các mảng dịch vụ lõi là giám định, kiểm định, chứng nhận và thẩm định, giữ vững vai trò là tổ chức đánh giá sự phù hợp hàng đầu Việt Nam. Đồng thời phát triển thêm các dịch vụ gia tăng, dịch vụ liên quan nhằm đem lại nhiều giá trị cho khách hàng.
- Ưu tiên đầu tư các hoạt động phục vụ quản lý Nhà nước, tiếp tục thể hiện vai trò và trách nhiệm hỗ trợ các cơ quan Quản lý Nhà nước trong hoạt động quản lý chất lượng hàng hóa, sản phẩm, đảm bảo sức khỏe và an toàn của cộng đồng.
- Xây dựng bộ máy tổ chức vững mạnh, nâng cao năng lực quản lý trên các lĩnh vực tài chính, kinh doanh, chăm sóc khách hàng, nghiệp vụ kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, thông qua thông qua việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chiến lược có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.
- Tạo động lực, cùng tập thể người lao động học tập, nâng cao phát triển năng lực chuyên môn, phát triển hoàn thiện bản thân, nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống cả về vật chất và tinh thần của người lao động
- Mục tiêu: Đảm bảo tốc độ tăng trưởng của Công ty trên các chỉ tiêu: doanh thu tăng trưởng 5%/năm, lợi nhuận tăng trưởng 5%/năm, tỷ lệ cổ tức tối thiểu từ 15%/năm, tổng lượng khách hàng phục vụ trong năm tăng 5%.

✓ Trung và dài hạn:

- Đa dạng hóa dịch vụ. Chú trọng phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ phục vụ Quản lý Nhà nước, dịch vụ trọn gói. Đóng gói sản phẩm dịch vụ, thuận lợi hóa quá trình tạo ra sản phẩm, định giá, quảng bá, phân phối đến khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả và thuận tiện.
- Mở rộng mạng lưới, phạm vi hoạt động tại nhiều khu vực lãnh thổ trên thế giới, bằng cách tự mở các văn phòng trụ sở hoặc hợp tác, liên danh, liên kết với các đối tác có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm.
- Thỏa mãn khách hàng bằng chất lượng dịch vụ, giá trị chi phí bỏ ra, sự thuận tiện trong việc phân phối, tiếp cận thông tin về dịch vụ.

- Gia tăng lợi ích, lợi nhuận nhận được của cổ đông, nhà đầu tư dựa trên sự tăng trưởng của quy mô; tái đầu tư hiệu quả; tối ưu chi phí vận hành; và hệ thống quản trị minh bạch, có hệ thống.
- Tập trung vào chất lượng nguồn nhân lực, không ngừng bồi dưỡng, đào tạo/đào tạo lại tại chỗ, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm; bố trí công việc đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của người lao động; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, đoàn kết, gắn bó, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp.
- Hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước quản lý chất lượng hàng hóa, tránh nhập về những hàng hóa kém chất lượng; ngăn ngừa thiệt hại cho doanh nghiệp, người tiêu dùng trong nước, hạn chế ảnh hưởng xấu đến môi trường...
- Giám định chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước, đúng giá trị, an toàn trong sử dụng, từ đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe của cộng đồng...
- Làm chủ công nghệ và kỹ thuật giúp tạo ra những giải pháp ưu việt hướng đến cả doanh nghiệp và cộng đồng. Nâng cao tỉ lệ, yêu cầu từ khách hàng cá nhân, người tiêu dùng cuối. Quyết tâm đưa các giải pháp an toàn và chất lượng đến gần hơn với cộng đồng, nhằm xây dựng một thế giới an toàn.

5.5 Cơ cấu doanh thu

Bảng 6. Cơ cấu Doanh thu của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	293.535	93,73	326.606	93,96	268.286	99,47
-	<i>Doanh thu dịch vụ giám định</i>	256.685	81,97	282.264	81,21	225.342	83,55
-	<i>Doanh thu dịch vụ phân tích mẫu</i>	17.521	5,59	24.364	7,01	28.381	10,52
-	<i>Doanh thu từ phí sử dụng thương hiệu</i>	17.884	5,71	18.073	5,02	14.156	5,25
-	<i>Doanh thu khác</i>	1.445	0,46	1.905	0,55	407	0,15
2	Doanh thu hoạt động tài chính	19.594	6,26	20.851	6,00	1.183	0,44

3	Thu nhập khác	34	0,01	136	0,04	249	0,09
Tổng cộng		313.163	100	347.593	100	269.718	100

(Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập)

Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu hợp nhất của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	589.910	99,76	635.511	99,58	511.443	99,45
-	Doanh thu dịch vụ giám định	553.204	93,55	591.810	92,73	475.905	92,54
-	Doanh thu dịch vụ phân tích mẫu	29.581	5,00	33.060	5,18	28.199	5,48
-	Doanh thu khác	7.125	1,20	10.641	1,67	7.339	1,43
2	Doanh thu hoạt động tài chính	747	0,13	2.522	0,40	2.093	0,41
3	Thu nhập khác	674	0,11	182	0,03	751	0,15
Tổng cộng		591.331	100	638.215	100	514.287	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giám định nên doanh thu mảng này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Năm 2022, tổng doanh thu của VNC đạt 638,21 tỷ đồng, tăng 46,88 tỷ đồng (tương ứng với mức tăng 7,93%) so với năm 2021.

Trong cơ cấu doanh thu năm 2021 và năm 2022, doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (gồm: Doanh thu giám định, dịch vụ phân tích mẫu, doanh thu khác...) chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là 99,76% và 99,58% tổng doanh thu của Công ty. Còn lại là doanh thu hoạt động tài chính chỉ chiếm 0,13% và 0,4%, thu nhập khác chiếm 0,11% và 0,03% trong năm 2021 và năm 2022.

Đến 30/09/2023, tổng doanh thu của toàn Công ty đạt 514,2 tỷ đồng, tăng 12,88% so với cùng kỳ (9 tháng năm 2022 đạt 455,6 tỷ đồng).

5.6 Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 8. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn dịch vụ cung cấp	220.685	75,18	253.514	77,62	203.303	75,78
-	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.621	4,64	14.301	4,38	11.844	4,41
-	Chi phí nhân công	148.870	50,72	158.070	48,40	132.751	49,48
-	Chi phí khấu hao và hao mòn	10.467	3,57	9.914	3,04	7.770	2,90
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.837	8,46	32.609	9,98	37.239	13,88
-	Chi phí khác	22.890	7,8	38.620	11,82	13.699	5,11
2	Chi phí tài chính	242	0,08	956	0,29	162	0,06
3	Chi phí bán hàng	17.329	5,90	19.874	6,09	16.805	6,26
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.635	13,16	31.722	9,71	31.401	11,70
5	Chi phí khác	167	0,06	439	0,13	51	0,02
	Tổng	277.058	94,39	306.505	93,85	251.722	93,83

(Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập)

Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 31/12/2021 – 9T/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn dịch vụ cung cấp	465.731	78,95	497.588	78,30	399.193	78,05
-	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.881	3,71	25.163	3,96	15.044	2,95
-	Chi phí nhân công	328.872	55,75	336.460	52,94	272.441	53,27
-	Chi phí khấu hao và hao mòn	20.321	3,44	19.658	3,09	14.487	2,83

-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.647	9,26	64.616	10,17	72.188	14,11
-	Chi phí khác	40.010	6,78	51.691	8,13	25.033	4,89
2	Chi phí tài chính	1.412	0,24	1.040	0,16	261	0,05
3	Chi phí bán hàng	34.855	5,91	37.285	5,87	23.768	4,65
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.511	8,39	53.735	8,46	54.501	10,66
5	Chi phí khác	830	0,14	890	0,14	194	0,04
Tổng		552.339	93,63	590.538	92,92	477.917	93,44

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

Trong cơ cấu chi phí của VNC, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của Công ty. Giá vốn hàng bán vẫn được giữ ở mức tương đối ổn định qua các năm, lần lượt là 78,95% năm 2021, 78,30% năm 2022 và 78,05% 9 tháng năm 2023. Việc tỷ trọng của giá vốn trên doanh thu thuần được giữ ở mức ổn định giúp công ty kiểm soát tốt được giá thành sản phẩm.

Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 8,39% trên doanh thu thuần năm 2021, chiếm 8,46% năm 2022 và 10,66% 9 tháng năm 2023.

Sau chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao tiếp theo so với tỷ trọng doanh thu thuần. Tỷ trọng chi phí bán hàng/Tổng doanh thu thuần là 5,91% năm 2021, chiếm tỷ trọng 5,87% năm 2022 và 4,65% 9 tháng năm 2023.

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ. Tỷ trọng chi phí này ở mức 0,24% năm 2021 và chỉ còn 0,16% năm 2022 và 0,05% vào 9 tháng năm 2023 do Công ty đang cắt giảm dần các khoản nợ vay ngân hàng.

Trong những năm gần đây, tổng các khoản chi phí luôn chiếm tỷ trọng khá lớn so với Tổng doanh thu thuần (năm 2021 là 93,63%, năm 2022 là 92,92% và 9T/2023 là 93,44%). Điều này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động khi có sự biến động về giá cả nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào hoặc việc kiểm soát các chi phí khác chưa hiệu quả.

5.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế

Logo Công ty:



6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021, 2022 và 9T/2023
(Công ty mẹ)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
1.	Tổng tài sản	305.473	304.564	(0,30%)	321.177
2.	Vốn chủ sở hữu	254.425	275.075	8,12%	271.425
3.	Tổng doanh thu	313.164	347.594	10,99%	269.718
4.	Doanh thu thuần	293.535	326.606	11,27%	268.286
5.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.238	41.390	14,22%	17.798
6.	Lợi nhuận khác	(132)	(303)	-	198
7.	Lợi nhuận trước thuế	36.106	41.087	13,80%	17.996
8.	Lợi nhuận sau thuế	32.530	36.503	12,21%	14.424
9.	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	12,79	13,27	3,75%	5,31%
10.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30,98%	34,76%	12,21%	13,74%

(Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập).

Bảng 11. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2021, 2022 và 9T/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
1.	Tổng tài sản	367.527	358.801	(2,37%)	413.753
2.	Vốn chủ sở hữu	255.710	276.685	8,20%	288.159
3.	Tổng doanh thu	591.331	638.218	7,93%	514.287
4.	Doanh thu thuần	589.910	635.512	7,73%	511.443
5.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.330	48.496	23,31%	35.889

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/09/2023
6.	Lợi nhuận khác	(156)	(707)	-	557
7.	Lợi nhuận trước thuế	39.174	47.789	21,99%	36.445
8.	Lợi nhuận sau thuế	30.537	37.611	23,17%	29.088
9.	Lợi nhuận trên một cổ phiếu (đồng/CP)	2.604	3.497	34,29%	-
10.	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	11,94	13,59	13,83%	10,09%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản toàn Công ty biến động không nhiều, giảm nhẹ với mức 2,37% năm 2022/2021. Vốn chủ sở hữu tăng 8,2% năm 2022/2021 là do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng, đến thời điểm 31/12/2022 vốn chủ sở hữu của VNC đạt xấp xỉ 276,7 tỷ đồng và đạt 288 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2023.

Doanh thu thuần tại thời điểm 31/12/2022 đạt 635,5 tỷ đồng, tăng 7,73% năm 2022/2021 (tăng 45,6 tỷ đồng so với năm 2021). Nguyên nhân là do doanh thu dịch vụ giám định tăng 38,6 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ phân tích mẫu tăng xấp xỉ 3,8 tỷ đồng và doanh thu khác tăng 3,5 tỷ đồng. Đến 30/09/2023, doanh thu thuần của toàn Công ty đạt 511,44 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 37,61 tỷ đồng, tăng 23,17% so với năm 2021 (tăng 7,1 tỷ đồng so với năm 2021). Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2022 là 3.497 đồng/cổ phiếu, tăng 34,29% so với năm 2021. Đến 30/09/2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 29 tỷ đồng.

7. Vị thế của Công ty, triển vọng phát triển ngành và triển vọng phát triển của Công ty

7.1. Vị thế của Công ty

CTCP Tập đoàn Vinacontrol là tổ chức giám định đầu tiên tại Việt Nam, với hơn 60 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định, Vinacontrol sẵn sàng đáp ứng tốt hầu hết các loại hình và yêu cầu trong lĩnh vực giám định. Vinacontrol có hệ thống mạng lưới văn phòng trải đều trên lãnh thổ Việt Nam và mạng lưới đối tác rộng khắp các khu vực trên thế giới. Mặc dù không còn duy trì được vị thế độc quyền trong thị trường giám định nhưng Vinacontrol vẫn có được thị phần tương đối lớn, đặc biệt là trong phân khúc giám định hàng hóa.

7.2. Triển vọng phát triển ngành

Giám định đóng vai trò quan trọng trong đời sống, thương mại và quản lý công:

- Kiểm soát và đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hoá sản xuất, giao nhận phù hợp với yêu cầu, hợp đồng.
- Đảm bảo thông số kỹ thuật sản phẩm tuân thủ với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (giám định phục quản lý nhà nước/ kiểm tra chuyên ngành).
- Cung cấp bằng chứng xác minh việc đóng gói, dán nhãn, bảo quản, vận chuyển tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc.
- Giảm thiểu chi phí, rủi ro thương mại do sản phẩm lỗi, bị từ chối, đòi bồi hoàn, triệu hồi sản phẩm.
- Đáp ứng yêu cầu kiểm tra chuyên ngành, thủ tục thông quan hàng hoá, thanh quyết toán dự án.

7.3. Triển vọng phát triển của Công ty

Công ty hoạt động luôn đặt ra mục tiêu phát triển hàng đầu là sự phát triển bền vững. Cùng với triển vọng phát triển ngành, sự phát triển của Công ty về mặt kinh tế luôn đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, xã hội và tác động tích cực đến môi trường sinh thái xung quanh. Sự phát triển hài hòa giữa các mục tiêu chiến lược về kinh tế và môi trường, xã hội sẽ giúp Công ty đạt tăng trưởng và phát triển bền vững, cũng như tạo dựng được mối quan hệ lâu dài với người lao động, khách hàng, nhà đầu tư, đối tác thông qua việc xây dựng hình ảnh tốt đẹp của một doanh nghiệp vì lợi ích chung của cộng đồng và toàn xã hội.

Công ty thực hiện các giải pháp đồng bộ cho từng Bộ phận, Chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty. Chủ động nâng cao năng lực quản trị, mở rộng thị trường; Kiểm soát chặt chẽ ngân sách hoạt động của từng đơn vị trực thuộc, thường xuyên rà soát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh theo từng tháng, đề công tác điều hành luôn trong thế chủ động, có biện pháp phòng ngừa và khắc phục kịp thời những rủi ro trong kinh doanh.

Vinacontrol đẩy mạnh, mở rộng phạm vi đấu thầu các dự án, tăng doanh thu từ các dự án thông qua đấu thầu. Ngoài ra, Công ty còn duy trì được sự ủy quyền kiểm tra Nhà nước, chỉ định tổ chức đánh giá chứng nhận sản phẩm, tổ chức thử nghiệm của các cơ quan quản lý nhà nước.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 30/09/2023

Tính đến 30/09/2023, theo Báo cáo tài chính tổng hợp, số lượng nhân viên của Công ty là 462 người. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, tổng số nhân viên tại Công ty và công ty con là 1.018 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 12. Cơ cấu lao động của Công ty

TT	Tiêu chí	Tổng hợp		Hợp nhất	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ					
1	Đại học	406	87,88%	821	80,65%
2	Cao đẳng, Trung cấp	35	7,58%	92	9,04%
3	Lao động nghề, chưa qua đào tạo	21	4,55%	105	10,31%
Tổng cộng		462	100,00%	1.018	100,00%
Theo giới tính					
1	Nam	353	76,41%	782	76,82%
2	Nữ	109	23,59%	236	23,18%
Tổng cộng		462	100,00%	1.018	100,00%

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

8.2. Chính sách đối với người lao động

- Vinacontrol luôn cập nhật và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định các chế độ đối với người lao động.
- Trong năm 2022 và đến thời điểm hiện tại, Công ty tiếp tục áp dụng các công cụ quản trị tiên tiến vào công tác quản lý và thực hiện công việc. Cùng với Bộ quy chế quản lý nội bộ mới được ban hành theo nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2018-2023 và Hệ thống 17 hướng dẫn về công tác nhân sự và hành chính áp dụng thống nhất toàn Công ty và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, đã giúp việc thực thi công việc được thống nhất, hiệu quả và gắn với lợi ích người lao động, là động lực khuyến khích đội ngũ cán bộ/giám định viên hoàn thành tốt công việc.
- Tập đoàn và các đơn vị tiếp tục sàng lọc, phân loại, chú trọng bồi dưỡng đào tạo và có những cơ chế đãi ngộ phù hợp những nhân sự chủ chốt nhằm xây dựng một đội ngũ nhân sự giỏi, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng, cơ quan quản lý Nhà nước và các dự án đầu thầu trọng hiện tại và chuẩn bị cho tương lai.
- Tập đoàn và các đơn vị luôn đảm bảo chế độ nâng lương, nâng ngạch theo quy định; giải đáp, tư vấn về chế độ chính sách cho người lao động kịp thời và chính xác làm cho người lao động trong Tập đoàn thật sự yên tâm công tác. Luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ đúng theo quy định các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động. Luôn chăm lo đời sống cho người lao động: khám sức khỏe, tham quan, thăm hỏi ốm đau, chế độ thai sản....

- Đối với các công việc có tính chất nguy hiểm, độc hại như: làm việc trong phòng thử nghiệm, ngoài hiện trường, trên tàu/giàn khoan... Công ty đều có chính sách đãi ngộ, có cơ chế riêng đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công ty trang bị bảo hộ lao động theo quy định.
- Mức lương trung bình/người lao động năm 2022 là: 16.500.000 đồng.

9. Chính sách cổ tức

Bảng 13. Tình hình chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	Hình thức chi trả	Tình hình chi trả
2019	15%	Tiền mặt	Đã thực hiện
2020	15%	Tiền mặt	Đã thực hiện
2021	12%	Tiền mặt	Đã thực hiện
2022 (*)	Tạm ứng 12%	Tiền mặt	Đã thực hiện

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 100/NQ-HĐQT ký ngày 15/5/2023 về việc tạm ứng cổ tức năm 2022

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 50 năm
Máy móc thiết bị	2 – 14 năm
Phương tiện vận tải	4 – 10 năm

Thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 – 32,5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản Thuế khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 14. Số dư Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	BCTC Tổng hợp			BCTC Hợp nhất		
	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Thuế giá trị gia tăng	3.601	2.960	2.071	6.024	4.664	3.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	415	1.008	1.196	1.537	1.597	2.417
Thuế thu nhập cá nhân	797	1.048	1.061	5.979	5.297	1.168
Tổng cộng	4.813	5.016	4.328	13.541	11.558	7.118

(Nguồn: BCTC tổng hợp và hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp và hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 15. Số dư Trích lập các Quỹ của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Trích lập các Quỹ của Công ty	BCTC Tổng hợp			BCTC Hợp nhất		
	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	44	36	1.390	330	323	1.676
Quỹ đầu tư phát triển	116.900	133.577	148.855	116.900	133.577	148.855
Tổng cộng	116.944	133.613	150.245	117.230	133.900	150.531

(Nguồn: BCTC tổng hợp và hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp và hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

❖ Tình hình công nợ của Công ty:

✚ Các khoản phải thu

Bảng 16. Chi tiết các khoản phải thu tổng hợp tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	63.537	66.354	67.179
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.889	46.577	61.490
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.035	1.205	388
3.	Phải thu ngắn hạn khác	24.395	21.947	8.874
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.782)	(3.375)	(3.572)
II.	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	63.537	66.354	67.179

(Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập)

Bảng 17. Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	90.812	88.002	118.923
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	91.509	86.210	112.093

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.148	3.065	3.707
3.	Phải thu ngắn hạn khác	6.142	7.291	13.132
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.987)	(8.564)	(10.009)
II.	Phải thu dài hạn	826	-	-
1.	Phải thu dài hạn khác	826	-	-
	Tổng cộng	91.638	88.002	118.923

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

✚ Các khoản nợ phải trả

Bảng 18. Các khoản nợ phải trả tổng hợp tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I.	Nợ ngắn hạn	42.977	29.488	49.751
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	3.431	2.552	5.118
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.091	1.128	2.434
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.813	5.016	4.329
4.	Phải trả người lao động	29.308	18.806	33.575
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.677	1.333	2.883
6.	Phải trả ngắn hạn khác (*)	474	617	22
7.	Vay ngắn hạn	2.138	-	-
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	44	36	1.390
II.	Nợ dài hạn	8.070	-	-
1.	Vay dài hạn	8.070	-	-
	Tổng cộng	51.047	29.488	49.751

(Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập)

(*) Trong kỳ 9 tháng 2023, Vinacontrol đã tạm ứng 12% cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 100/NQ-HĐQT ngày 15/5/2023.

Công nợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp: VNC thực hiện cổ phần hóa từ năm 2005 và chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu từ Bộ Công Thương về SCIC vào 23/5/2007. Từ năm 2012 đến trước khi bàn giao Quỹ về Bộ Tài chính (01/01/2018), số liệu lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa hàng năm của VNC được SCIC tạm tính là 881.624.349 đồng. Mặc dù qua các năm, SCIC đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu VNC xác nhận công nợ và nộp tiền về Quỹ nhưng do không thống nhất về số liệu nên VNC không xác nhận công nợ đối với khoản lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa trên.

Thực hiện rà soát, xác định và xử lý miễn lãi chậm nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, SCIC đã có các cuộc họp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các doanh nghiệp Bộ Công Thương ngày 19/9/2022 và ngày 16/3/2023. Đến nay, Bộ Công Thương chưa có văn bản xác định gốc, lãi chậm nộp của VNC để thông báo với Bộ Tài chính để chuyển thu Ngân sách nhà nước theo Luật Quản lý thuế.

Bảng 19. Các khoản nợ phải trả hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I.	Nợ ngắn hạn	103.747	82.117	125.594
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	8.741	6.817	8.981
2.	Người mua trả tiền trước	7.558	4.569	8.892
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.541	11.559	7.118
4.	Phải trả người lao động	62.405	49.957	93.826
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.536	5.971	3.445
6.	Phải trả ngắn hạn khác	3.147	2.861	358
7.	Vay ngắn hạn	2.488	60	1.298
8.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	331	323	1.676
II.	Nợ dài hạn	8.070	-	-
1.	Vay dài hạn	8.070	-	-
	Tổng cộng	111.817	82.117	125.594

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tổng hợp của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,86	4,23
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,84	4,21
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,10
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,22	0,11
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,08%	11,18%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,79%	13,27%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,65%	11,99%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,35%	12,67%
+ Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	30,98%	34,77%
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	12%	12%

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC tổng hợp năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của VNC)

Bảng 21. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,94	2,47
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,91	2,40

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,23
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,44	0,30
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,18%	5,92%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,94%	13,59%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,31%	10,48%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,67%	7,63%
+ Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	29,08%	35,82%

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của VNC)

11. Tài sản:

📌 Danh mục tài sản tại thời điểm 30/09/2023

Bảng 22. Danh mục tài sản của Công ty tại thời điểm 30/09/2023 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	168.557	73.563	43,64%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	62.530	33.242	53,16%
2	Máy móc, thiết bị	78.855	31.630	40,11%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23.903	8.518	35,64%
4	Thiết bị văn phòng	3.269	173	5,29%
II	Tài sản cố định vô hình	14.798	13.521	91,37%
1	Quyền sử dụng đất	10.707	10.632	99,30%
2	Phần mềm máy tính	4.091	2.889	70,62%
	Tổng	183.355	87.084	47,49%

(Nguồn: BCTC tổng hợp Quý III/2023 do VNC lập)

Bảng 23. Danh mục tài sản hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/09/2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	289.566	112.490	38,85%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	88.358	46.404	52,52%
2	Máy móc, thiết bị	159.523	54.681	34,28%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	33.577	9.799	29,18%
4	Thiết bị văn phòng	8.108	1.606	19,81%
II	Tài sản cố định vô hình	18.256	3.733	20,45%
1	Quyền sử dụng đất	12.396	1.003	8,09%
2	Phần mềm máy tính	5.860	2.730	46,59%
Tổng		307.822	116.223	37,76%

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2023 do VNC lập)

✦ **Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:**

Tính đến thời điểm 30/09/2023, danh sách đất do Công ty (công ty mẹ) quản lý và sử dụng được trình bày như bảng dưới đây:

Bảng 24. Danh mục đất đai của Công ty đang sử dụng và quản lý

STT	Hạng mục	Vị trí	Diện tích (ước tính)	Ngày ký hợp đồng thuê hoặc Phụ lục hợp đồng	Mục đích	Hiện trạng	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn
I VĂN PHÒNG TẬP ĐOÀN								
1	Nhà 54 Trần Nhân Tông	54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Tổng diện tích nhà thuê: 1.351,4 m ² - Tổng diện tích đất sử dụng kèm theo nhà thuê: 908m ²	Hợp đồng ký 3 năm/lần. Lần gần nhất: Hợp đồng số 352/XNHBT/HĐTNCĐ giữa VNC và Công ty TNHH MTV quản lý phát triển nhà Hà Nội ký ngày 25/12/2014	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- 05 năm từ 1/1/2009, thanh toán tiền thuê nhà đất theo quý. - 03 năm từ 01/1/2014, thanh toán tiền thuê nhà đất theo quý.	Hợp đồng hết hiệu lực từ 31/12/2016 nhưng chưa gia hạn/ký lại hợp đồng (*)
2	Đất tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp	Lô CN – 09 – 6 tại Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội	1.974,3m ²	Hợp đồng thuê lại đất số 35/2016/HĐ-CN-09-6 ngày 20/6/2016 giữa VNC và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng 18 Giấy CN QSDĐ số 283140	Trung tâm thử nghiệm	Đang sử dụng	- Đất thuê trả tiền hàng năm nhận nhượng lại quyền thuê của Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN. - Tiền nhượng quyền thuê lại đất đã trả 1 lần.	Từ ngày 20/6/2016 đến ngày 13/7/2057

II VINACONTROL HÀ NỘI								
3	Nhà làm việc 96 Yết Kiêu	96 Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Tổng diện tích nhà thuê: 311,2 m ² - Tổng diện tích đất sử dụng kèm theo nhà thuê: 247,3m ²	Hợp đồng ký 3 năm/lần Lần gần nhất HĐ thuê nhà đất số 37/XNHBT/HĐTNCĐ ngày 08/07/2014 giữa VNC và Cty TNHH MTV Quản lý & Phát triển Nhà HN	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Thuê nhà, đất trả tiền hàng năm của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	- 03 năm, từ 1/1/2014. Hợp đồng hết hiệu lực từ 31/12/2016 nhưng chưa ký lại hợp đồng (*)
4	Nhà làm việc tại Vinh	Số 14, đường Mai Hắc Đế, p. Hà Huy Tập, TP Vinh, Nghệ An	1.097,3m ²	- Quyết định số 1024/QĐ- UB.ĐC ngày 20/10/2003 của UBND tỉnh Nghệ An - Hợp đồng số 21/HĐ-TĐ ngày 23/10/2003 giữa VNC và Sở TN&MT Nghệ An	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Đất thuê trả tiền thuê hàng năm. - Thuê 20 năm từ ngày 23/10/2003 đến ngày 23/10/2023 để xây dựng trụ sở.	20 năm từ 23/10/2003 - 23/10/2023
5	Nhà làm việc Lào Cai	Thửa đất số 61, tờ bản đồ số P3-5, phố Hưng Hóa, P. Duyên Hải, Lào Cai	100m ²	Giấy chứng nhận QSDĐ Số AK 824705 cấp ngày 19/8/2008 của UBND tỉnh Lào Cai	Văn phòng làm việc (Đất ở tại đô thị)	Đang sử dụng	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài
6	Văn phòng Vũng Áng	Lô số 03, khu hành chính – khu kinh tế Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1.700m ²	QĐ số 127/QĐ-KKT ngày 11/3/2011 của Ban QL Khu Kinh tế Vũng Áng	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê; Ban quản lý thu tiền sử dụng đất 0,3\$/m ² /năm	49 năm kể từ 11/3/2011

7	Trạm Nghi Sơn	Thửa đất số 3.2, Tờ bản đồ số 41, Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá	80 m2 đất ở 106m2 đất trồng cây lâu năm	- HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký ngày 10/02/2015 giữa ông Nguyễn Văn Hải và ông Đỗ Hồng Minh (đại diện VNC) - Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà và đất chuyển nhượng ngày 16/02/2015	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Đất ở và đất vườn chuyển QSDĐ từ ông Nguyễn Văn Hải cho ông Đỗ Hồng Minh – Đại diện cho VNC	Lâu dài
III VINACONTROL HẢI PHÒNG								
8	Nhà làm việc 56 Phạm Minh Đức	Số 56 Phạm Minh Đức, p. Máy Tơ, q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	353,11m ²	- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước số 29/2015/HĐMB giữa VNC Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng (chứng thực ngày 06/1/2016) -Giấy chứng nhận QSDĐ Số CH 866950 ngày 25/1/2017 do Sở TN Môi trường TP Hải Phòng cấp	Văn phòng làm việc, kinh doanh	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng nhà, đất thuê 50 năm từ ngày 11/9/2015 trả tiền một lần Diện tích đất thông tầng 353,11m ² và 1,6m ² đất bị công trình của chủ sử dụng khác chặn không gian phía trên.	11/9/2015 – 11/9/2065
9	Nhà làm việc 80 Phạm Minh Đức	Số 80 Phạm Minh Đức, p. Máy Tơ, q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	814,5m ²	- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước số 30/2015/HĐMB giữa VNC Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng	Văn phòng làm việc, kinh doanh	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng nhà, đất thuê 50 năm từ ngày 09/10/2015 trả tiền một lần; Diện tích đất thông tầng 814,5m ² và 30,39m ² đất bị công trình của	09/10/2015 – 09/10/2065

				(chứng thực ngày 06/1/2016) - Giấy chứng nhận QSDĐ số CH 866951 ngày 25/1/2017 do Sở TN Môi trường TP Hải Phòng cấp			chủ sử dụng khác chặn không gian phía trên.	
10	Nhà làm việc tại Lạng Sơn	Thửa đất số 599, tờ bản đồ số 01, Thôn Khòn Pịt, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	252 m ²	Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 113455 ngày 6/5/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng QSDĐ và đã được chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất kinh doanh	từ ngày 06/5/2008- Đến ngày 05/7/2051
IV VINACONTROL QUẢNG NINH								
11	Nhà làm việc phố Hoàng Long	11 phố Hoàng Long, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh	304m ²	Số V 029535 ngày 7/6/2002 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Nhà nước giao đất theo mục đích kinh doanh	Lâu dài
12	Nhà làm việc Trạm Cửa Ông	Thửa đất số 137, tờ bản đồ số 82, phường Cửa Ông, xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	480m ²	Số BA 294521 ngày 24/11/2010 của Sở TN&MT Quảng Ninh	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất	50 năm (từ 24/10/2011 đến 15/10/2043)
13	Nhà làm việc tại Móng Cái	Ô đất số 34, Lô 32, khu cây số 3, p. Hải Yên, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	85,5m ²	Số B0 847944 ngày 16/6/2014 của Sở TN&MT Quảng Ninh	Đất ở,	Đang sử dụng	Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài

14	Nhà làm việc Trạm Ưông Bí	Khu đất tại phường Quang Trung, thị xã Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh	500m ²	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số X 335806 ngày 30/5/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Đất thuê trả tiền thuê hàng năm.	40 năm (từ 30/05/2003 đến 01/2043)
V VINACONTROL ĐÀ NẴNG								
15	Trụ sở của Chi nhánh	Lô A-6 và Lô A-8 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	288m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BK 907171 ngày 4/10/2012 của Sở TN&MT Tp. Đà Nẵng	Đất ở tại đô thị	Đang sử dụng	Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài
16	Chi nhánh Quy Nhơn	Nhà số 01B đường Tăng Bạt Hồ, phường Lê Lợi, Quy Nhơn	280,24m ²	Sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà Số 265/CNSH ngày 30/6/1991 của Sở Xây dựng Bình Định (chưa chuyển tên trên giấy từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần)	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Sở hữu nhà, nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình - Đã có Công văn số 2084/STNMT- CCQLDD ngày 27/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định trả lời khu đất thuộc đối tượng phải thuê đất.	Sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà không đề cập đến thời hạn
17	Chi nhánh Quảng Ngãi	Thửa đất số 249, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2024,1m ²	Số AH 887471 ngày 16/9/2008 của Sở TN&MT Quảng Ngãi	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Đến ngày 12/2/2057

18	Chi nhánh Dung Quất	Thừa đất số 236, Tờ bản đồ số 6, huyện Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	734 m ² có thu tiền: 400m ² ; không thu tiền: 334m ²	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 812649 do UBND huyện Bình Sơn cấp ngày 12/12/2018 cho ông Nguyễn Định và bà Lê Thị Mai - HĐ chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Phùng Tấn Phú và Vinacontrol Đà Nẵng (đang chờ giấy chứng nhận mới)	400m ² đất ở, 334m ² đất trồng cây hàng năm khác	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ	Lâu dài
19	Đất tại Thôn Phú Gia, Lộc Tiến, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Thừa đất số 172, Thôn Phú Gia, xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, Thừa thiên Huế	104m ²	Số CA 665169 ngày 29/12/2015 của Sở TN & MT Thừa Thiên Huế	Đất ở tại nông thôn, sử dụng riêng lâu dài, nguồn gốc Nhận chuyển nhượng đất	Đợi xây dựng văn phòng làm việc	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng	Lâu dài
VI VINACONTROL TP. HỒ CHÍ MINH								
20	Nhà 115 Trần Quốc Thảo	Số 115 Trần Quốc Thảo, p. 7, q. 3, TP. Hồ Chí Minh	768m ²	Hợp đồng thuê nhà số 26/HĐTN-KD giữa VNC và Cty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Tp. HCM ngày 03/3/2020 và Phụ lục số 38/PLĐC-QLKDN-KD ký ngày 04/5/2022	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Thuê nhà đất của Cty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Tp. HCM	Đến ngày 31/12/2023

21	Nhà 80 Bà Huyện Thanh Quan	Số 80 Bà Huyện Thanh Quan, p. 9, q.3, TP HCM	760m ²	Hợp đồng thuê nhà số 25/HĐTN-KD giữa VNC và Cty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Tp. HCM ký ngày 03/3/2020 và Phụ lục số 37/PLĐC-QLKDN-KD ký ngày 04/5/2022	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Thuê nhà đất của Cty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Tp. HCM	Đến ngày 31/12/2023
22	Nhà làm việc tại P. Tân Lợi, TP. Buon Ma Thuột, Đắk Lắk	Điểm dân cư khối 4 – phường Tân Lợi, TP Buon Ma Thuột, Đắk Lắk	130m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số U 030472 ngày 25/1/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk	Đất chuyên dùng	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất	Lâu dài
23	Nhà làm việc tại 26 Mê Linh Nha Trang	Nhà số 26, đường Mê Linh, phường Phước Tiến, Nha Trang	237,16m ²	Sổ chứng nhận sở hữu nhà số Số 97 /95 /CNSHN ngày 25/1/1995 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp cho Trạm giám định hàng hóa xuất khẩu Nha Trang (chưa chuyển tên trên giấy từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần)	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	- Sở hữu nhà, nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình - Đã công văn số 3771/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 20/8/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa trả lời không thể cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	Sổ chứng nhận sở hữu nhà không đề cập đến thời hạn

24	Nhà và Trung tâm Phân tích thử nghiệm 2 (Khu chế xuất Tân Thuận	Lô U.18a, đường 22, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp.HCM	3.021m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BK 704986 ngày 2/11/2012 của Sở TN&MT Tp. HCM	Trung tâm Phân tích Thử nghiệm	Đang sử dụng	Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp	từ ngày 02/11/2012 Đến ngày 23/9/2041
25	Nhà 31AB CM Tháng Tám Cần Thơ	Số 31A-B đường CMT8, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	244,1m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BV 356393 ngày 9/12/2014 của Sở TN&MT Cần Thơ	Đất thương mại dịch vụ	Đang sử dụng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	từ 09/12/2014- Đến ngày 29/9/2053
26	Nhà tại Lê Hồng Phong – Cần Thơ	14/10A-B đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP Cần Thơ	344m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BV 356139 ngày 6/10/2014 của Sở TN&MT Cần Thơ	Đất thương mại dịch vụ	Đang sử dụng	Nhà nước cho thuê đất	từ 06/10/2014- Đến ngày 4/6/2028
27	Văn phòng Trạm Phú Mỹ	Quốc lộ số 51, Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu	684m ²	- Hợp đồng chuyển nhượng giữa VNC và bà Huỳnh Thị Hảo (CSH) ngày 3/5/2001, xác nhận số 338/CN-ĐC ngày 20/7/2001 của Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu -Quyết định 9697/QĐ-UB ngày 13/11/2001 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Văn phòng làm việc	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng từ cá nhân	Không đề cập đến thời hạn sử dụng trong hồ sơ
28	Nhà tại Chí Linh, Vũng Tàu (nay là 109 Nguyễn	Nhà số 28A, phường 09, TP Vũng Tàu	192m ²	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất Số 708/CNSH ngày 23/4/1992 của UBND Tp. Vũng Tàu (chưa chuyển	Đất ở	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất không đề cập đến thời hạn

	Hữu Cảnh, p Thống Nhất, TP Vũng Tàu)			tên trên giấy tờ sang công ty cổ phần).				
29	Nhà làm việc tại Mỹ Thới, An Giang	Thửa số 10, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang	81m ²	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AC 436044 ngày 12/10/2005 của UBND tỉnh An Giang	Đất ở tại đô thị	Đang sử dụng	Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất không đề cập đến thời hạn

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Vinacontrol)

(*) Hợp đồng thuê đất, thuê nhà trả tiền hàng năm hết hiệu lực từ 31/12/2016 nhưng do yêu cầu từ cơ quan quản lý Nhà nước (Thông báo số 117/TB-UBND ngày 13/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc tạm dừng ký Hợp đồng thuê nhà) nên đơn vị cho thuê chưa ký lại hợp đồng, tuy nhiên, hàng năm Vinacontrol vẫn nộp tiền thuê đất, thuê nhà đầy đủ cho các cơ quan quản lý.

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ngày 28/04/2023 của Vinacontrol đủ điều kiện tiến hành theo quy định với tỷ lệ tham dự là 92,69% tổng số cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty.

Đại hội không thông qua chương trình nghị sự nên Đại hội không thể tiếp tục tiến hành, như vậy Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Vinacontrol đã được tổ chức nhưng không thành công.

Do đó, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vinacontrol chưa được ĐHĐCĐ thông qua. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ-HĐQT ngày 06/02/2023, Vinacontrol đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2023 như sau:

Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% tăng giảm năm 2023 so với năm 2022
Tổng Doanh thu	638	643	0,78%
Lợi nhuận sau thuế	37,6	37,8	0,53%
Vốn điều lệ	104,999	104,999	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	5,89%	5,88%	(0,19%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	35,81%	36,00%	0,53%
Tỷ lệ chia cổ tức	Tạm ứng 12%	-	-

(Nguồn: Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22/NQ-HĐQT ngày 06/02/2023 của Vinacontrol)

Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh nêu trên:

Để đạt được kế hoạch đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đặt ra định hướng “2023 - Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo” làm trọng tâm xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Tập đoàn, cụ thể:

a) Công tác thị trường:

- Công tác kinh doanh và chăm sóc khách hàng:

- + Tiếp tục tập trung giữ vững doanh thu đối với các mặt hàng truyền thống; Tích cực tham gia đấu thầu các gói thầu/dự án lớn; Quản lý hiệu quả các dự án đã ký kết với khách hàng/đối tác; Quản lý hiệu quả các dự án ủy thác nước ngoài.

- + Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng với mục tiêu lượng khách hàng phục vụ tăng 3% so với cùng kỳ, trong đó số khách hàng mới tăng 3% so với năm 2022. Đẩy mạnh tiếp cận và xúc tiến quan hệ với khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp lớn.
 - + Đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới đối tác, tổ chức giám định đồng nghiệp, các đơn vị cầu nối trung gian cả trong và ngoài nước, giúp gia tăng cơ hội tìm kiếm và tiếp cận khách hàng mục tiêu cho Vinacontrol.
 - Công tác truyền thông và quan hệ công chúng:
 - + Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá cả về số lượng kênh và hình thức truyền thông quảng bá. Đặc biệt, truyền thông điện tử có những tiến bộ và phát triển cả về số lượng và chất lượng, đạt được mục tiêu cụ thể là gia tăng lượng khách hàng liên hệ tư vấn dịch vụ trực tiếp trên các kênh truyền thông bên cạnh việc liên hệ qua hotline.
 - + Nội dung truyền thông được tối ưu với hình ảnh trực quan, sinh động; nội dung ngắn gọn, hấp dẫn; sử dụng song ngữ Việt – Anh để tiếp cận rộng rãi khách hàng cả trong và ngoài nước.
 - + Tiếp tục duy trì hình thức truyền thông truyền thống thông qua tài liệu giới thiệu; ấn phẩm in; ấn phẩm chuyên ngành; tham dự và xúc tiến quảng bá tại hội nghị, hội thảo, ...
 - + Hoàn thiện nâng cấp Bộ nhận diện thương hiệu Vinacontrol, tạo hình ảnh thương hiệu ấn tượng và chuyên nghiệp.
 - Công tác nghiên cứu và phát triển: Triển khai dự án tái định vị và xây dựng lại hệ thống nhận diện thương hiệu Vinacontrol; Triển khai dự án nghiên cứu, đánh giá đối thủ và mức độ cạnh tranh bằng phương pháp đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh; Nghiên cứu về yếu tố pháp lý trong thương hiệu, nhãn hiệu Vinacontrol và quản lý quyền sử dụng nhãn hiệu Vinacontrol; Nghiên cứu biên soạn điều khoản cung cấp dịch vụ chung Vinacontrol.
- b) Công tác kỹ thuật nghiệp vụ và quản lý hệ thống các phòng thí nghiệm:
- Kỹ thuật nghiệp vụ:
 - + Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của các tiêu chuẩn HTCL tương ứng.
 - + Tuân thủ và hướng dẫn thực hiện theo các quy trình quản lý, các quy trình/phương pháp và các văn bản pháp quy của cơ quan quản lý Nhà nước.
 - + Thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng dịch vụ: Cập nhật, nghiên cứu, phổ biến, tuân thủ các văn bản pháp quy, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; Đảm bảo hiệu lực các quy trình, phương pháp hướng dẫn giám định (rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung); Tổ chức đào tạo, đào tạo lại nghiệp vụ cơ bản, chuyên sâu, các giải pháp, cách thức thực hiện các dịch vụ mới; Thanh tra, kiểm tra hiện trường, thăm xét, soát xét hồ sơ, chứng thư, chứng nhận, họp rút kinh nghiệm, áp dụng biện pháp phòng ngừa.

- + Triển khai thực hiện các dịch vụ mới: Phối hợp với các đơn vị triển khai các dịch vụ mới đăng ký trong năm 2023: chứng nhận thép không gỉ theo PT7, chứng nhận thép làm cốt bê tông theo PT5 và PT7, kiểm định bề trụ đứng và bề trụ ngang trên 100m³, giám định dụng cụ, vật liệu bao gói thực phẩm, chứng nhận sản phẩm trồng trọt hữu cơ... và đăng ký các dịch vụ mới: Kiểm định thiết bị y tế, kiểm định an toàn thang máy, chứng nhận an toàn thực phẩm...
- Quản lý hệ thống các phòng thử nghiệm:
 - + Phát triển thị trường dịch vụ thử nghiệm trên cơ sở khai thác tốt lợi thế khách hàng tại các địa bàn. Đồng thời tăng cường sự kết nối giữa các phòng thí nghiệm trong hệ thống để chuyên nghiệp hơn công tác thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, lấy mẫu phục vụ thí nghiệm và các loại hình dịch vụ của phòng thí nghiệm.
 - + Nghiên cứu sáng tạo để triển khai nhiều dịch vụ mới, mở rộng số lượng các chỉ tiêu được công nhận VILAS, mở rộng các lĩnh vực do cơ quan quản lý nhà nước chỉ định.

c) Quản trị nhân sự:

Với nhiệm vụ trọng tâm: “Xây dựng hình ảnh giám định viên chuyên nghiệp tại Vinacontrol”, Vinacontrol đã đề ra các giải pháp cụ thể sau:

- + Bổ sung thêm điều khoản cam kết tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của giám định viên trong Hợp đồng lao động khi ký hợp đồng lao động.
- + Tăng cường phối hợp và thống nhất quản lý nhân sự thực hiện dự án giữa Ban nhân sự Tập đoàn với Phụ trách nhân sự các đơn vị và các Phòng/Ban có Giám định viên liên quan; Tập trung quản lý việc tuân thủ văn hóa Công ty, đạo đức nghề nghiệp của Giám định viên.
- + Giám định viên mới phải hoàn thành khóa đào tạo Giám định viên/Nhân viên mới theo các nội dung trong Bộ bài giảng hiện hành.
- + Tổ chức thường xuyên các cuộc họp rút kinh nghiệm về chuyên môn/kỹ năng/thái độ làm việc (đạo đức nghề nghiệp) thông qua các hình thức đa dạng và ở các cấp độ khác nhau (cấp phòng, các liên phòng, cấp đơn vị).
- + Tăng cường thanh kiểm tra đột xuất ngoài hiện trường.
- + Sử dụng các hình thức phù hợp theo đặc thù của các đơn vị để lấy ý kiến phản hồi của khách hàng về chất lượng giám định viên sau khi các Hợp đồng lớn/dự án kết thúc.
- + Xây dựng các chỉ số KPI để đánh giá hiệu quả công việc của Giám định viên.

d) Quản lý hoạt động tài chính, kế toán:

Ngoài các công tác đang thực hiện và duy trì, trong năm 2023, công tác tài chính kế toán cần thực hiện những cải tiến như sau:

- + Cập nhật và nghiên cứu các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính kế toán để đảm bảo việc thực hiện đúng và thống nhất tại các đơn vị trong toàn Tập đoàn, đặc biệt là việc sử dụng hóa đơn điện tử;
- + Sử dụng thành thạo và khai thác tốt phân hệ kế toán của phần mềm quản lý Viettel;
- + Thực hiện việc bổ sung Quỹ đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các đơn vị và trả nguồn vốn vay.

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, ...):

Không có.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

15. Các thông tin khác

Ngày 28/04/2023, Vinacontrol đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023, nhiệm kỳ 2023 - 2028, với tỷ lệ tham dự Đại hội là 92,69% tổng số cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Vinacontrol đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định.

Đại hội không thông qua chương trình nghị sự nên Đại hội không thể tiếp tục tiến hành, như vậy Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 của Vinacontrol đã được tổ chức nhưng không thành công. Do đó, tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông chưa được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Ngày 22/5/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị Quyết số 103/NQ-HĐQT thống nhất không tiếp tục triệu tập họp ĐHĐCĐ năm 2023.

Vinacontrol đã tiến hành xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 trong 04 công ty là tổ chức kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Theo đó, ngày 14/08/2023, vấn đề này đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 203/ĐHĐCĐ-NQ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
2. Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
3. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
4. Tổng số lô cổ phần dự kiến chuyển nhượng :
 - Số lượng cổ phần chào bán: 3.150.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 30% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn điều lệ thực góp trong vốn điều lệ của Vinacontrol)
 - Số lượng lô chào bán: 01 lô
 - Số lượng cổ phần chào bán một lô: 3.150.000 cổ phần
5. Giá khởi điểm đấu giá :
 - Giá khởi điểm một lô cổ phần chào bán: 171.675.000.000 đồng/lô cổ phần
 - Bước giá: 1.000.000 đồng/lô cổ phần
6. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm:
 - Căn cứ theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
 - Căn cứ Giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp của cổ phiếu VNC trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn;
 - Căn cứ Giá tham chiếu của cổ phiếu VNC trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày;
 - Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 1010.06-23/CT-ĐG/VAE ngày 10/10/2023 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành;
 - Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-ĐTKDV ngày 31/10/2023 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc Phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol, theo đó, **giá khởi điểm bán đấu giá một lô cổ phần được xác định là: 171.675.000.000 đồng/lô cổ phần;**
7. Phương thức chuyển nhượng vốn:

Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần.
8. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần:

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn:

Dự kiến trong năm 2023.

10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:

Thời gian đăng ký mua cổ phần được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ công văn số 6969/UBCK-PTTT ngày 25/11/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Tập đoàn Vinacontrol, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Căn cứ danh sách cổ đông số V972/2023-VNC/VSD-ĐK ngày 21/07/2023 do VSDC chốt để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VNC hiện nay là 1,597% vốn điều lệ.

Như vậy, các nhà đầu tư nước ngoài có thể đặt mua toàn bộ lô cổ phần chào bán của SCIC với số lượng cổ phần trọn lô là 3.150.000 cổ phần (tương ứng với 30% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của Vinacontrol)

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sở hữu được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

13. Các loại thuế có liên quan

Tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Trong trường hợp nhà đầu tư cá nhân tham gia mua cổ phần chào bán của SCIC sau đó chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định hiện hành.

14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Việc chuyển nhượng vốn của SCIC tại VNC thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tại Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của SCIC đến năm 2020 và công văn số 3807/VPCP-DMDN ngày 08/06/2021 của Văn phòng Chính phủ, công văn 990/UBQL-TH ngày 23/06/2021 của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về việc thực hiện bán vốn Nhà nước theo quyết định số 1001/QĐ-TTg.

Việc chào bán phần vốn SCIC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông, không làm thay đổi vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Tên gọi đầy đủ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
Địa chỉ Tầng 23, Tòa nhà Chamvit, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3824 0703 Fax: (024) 6278 0136
Website: www.scic.vn

2. TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC CHUYỂN NHƯỢNG

Tên gọi đầy đủ CTCP Tập đoàn Vinacontrol
Địa chỉ 54 Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại (84-24) 3943 3840 Fax: (028) 3823 7983
Website www.vinacontrol.com.vn

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tên gọi đầy đủ CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
Địa chỉ Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường
Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
Điện thoại (024) 3974 1771 Fax: (024) 3974 1760
Website: www.cts.vn

4. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tên gọi đầy đủ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
Địa chỉ Số 2, Đường Hải Triều, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại (028) 3824 5252
Fax (028) 3824 5250
Website ey.com

5. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

Tên gọi đầy đủ	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
Địa chỉ	Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, Số 165 Cầu Giấy, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại	024 6 267 0491
Fax	024 6 267 0494
Website	www.vae.com.vn

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Tên gọi đầy đủ	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Địa chỉ	Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	(024) 3941 2626 – 3936 0750 Fax: (024) 3934 7818
Website	www.hnx.vn

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

VietinBank Securities và nhân viên của VietinBank Securities (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần

của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Vinacontrol cho SCIC, chính Vinacontrol và các khách hàng khác của VietinBank Securities và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn của SCIC được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN

**TỔ CHỨC CHÀO BÁN/CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Tuấn

ĐẠI DIỆN

**TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL**


TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Tiến Dũng

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *ng*



[Signature]
Phạm Ngọc Hiệp